

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 420/2020/HS-PT
Ngày: 28/8/2020.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Hậu.

2. Ông Đặng Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 283/2020/HSPT ngày 01 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo T do có kháng cáo của bị hại F đối với bản án hình sự sơ thẩm số 57/2020/HS-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng cáo:

T; sinh ngày 04/11/1984; tại P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã G, huyện N, tỉnh P; chỗ ở: 14/4 khu phố TL, phường ĐH, thị xã D, tỉnh B; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A, sinh năm 1959 và bà C, sinh năm 1959; vợ: E (đã ly hôn năm 2019); con: có 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 25/12/2019 đến ngày 20/5/2020, được trả tự do ngay tại phiên tòa sơ thẩm do bị cáo được hưởng án treo; có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa: Ông H là luật sư Văn phòng luật sư NVL thuộc Đoàn luật sư Thành phố M bào chữa cho bị cáo T (Có mặt).

- Bị hại: Anh F, sinh năm 1971; địa chỉ: 14/9 TL, phường ĐH, thành phố D, tỉnh B (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông K là luật sư Văn

phòng luật sư Đa Luật thuộc Đoàn luật sư Thành phố M bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông F (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh N, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu 1, xã G, huyện N, tỉnh P (Vắng mặt)

2. Chị Q, sinh năm 1973; địa chỉ: 107/2 Nam Cao, Khu phố 1, phường TP, Quận X, Thành phố M (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo T và anh F là tài xế xe buýt thuộc Hợp tác xã vận tải 19/5, chạy tuyến Chợ Lớn về ngã ba Vũng Tàu. Khoảng 07h20' ngày 16/9/2019, anh F điều khiển xe buýt biển số 51B-303.73 chạy liền sau xe buýt biển số 51B-303.72 do T điều khiển. Trong quá trình lưu thông, anh F thấy xe của T chạy chậm và trễ giờ theo thời gian quy định của Hợp tác xã nên anh F điều khiển xe vượt qua xe của T điều khiển để rước khách sai quy định. Thấy vậy, T gọi điện thoại báo về Hợp tác xã. Khi T điều khiển xe đến trước cổng Trường Đại học Z thuộc Khu phố 6, phường HP, Quận X, Thành phố M thì thấy xe của anh F đang dừng sát lề và anh F đứng chặn đầu xe của T để nói chuyện về việc T gọi điện thoại báo về Hợp tác xã dẫn đến hai bên cự cãi. Khi T vừa bước xuống cửa xe thì bị anh F dùng tay đánh trúng vào mặt, T đưa tay trái ra đỡ và dùng tay phải đánh liên tiếp 03 cái vào mặt làm anh F té ngã xuống đường, rồi T lên xe đi về ngã ba Vũng Tàu. Sau khi T đi, anh F bước lên xe buýt của mình thì chị Q là phụ xe thấy mặt anh F bị sưng và chảy máu mũi nên đã gọi xe Grap đưa anh F đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Thành phố M.

Căn cứ bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 998/TgT.19 ngày 11/11/2019 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố M, kết luận anh F bị “Chấn thương vùng mắt mũi trái gây tụ dịch phần mềm quanh mi, xuất huyết tiền phòng, tụ khí hốc mắt, gãy thành trong hốc mắt trái, gãy xương mũi, đã được điều trị. Hiện: Không còn dấu vết thương tích bên ngoài. Hình ảnh gãy xương trên phim chụp cắt lớp vi tính tại thời điểm giám định. Thụt nhẹ nhãn cầu, thị lực mắt trái 5/10. Thương tích do vật tày tác động gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 23%”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X, Thành phố M T đã thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án: 01 USB màu đen-đỏ có ghi lại hình ảnh đánh nhau giữa T và anh F.

Về trách nhiệm dân sự: Anh F yêu cầu bồi thường số tiền 555.000.000 đồng, cụ thể: Chi phí mổ mũi 42.000.000 đồng, mổ mắt 50.000.000 đồng; tiền thuốc khám chữa bệnh và tiền taxi đi khám chữa bệnh 15.000.000 đồng; tiền tổn

thất tinh thần 70.000.000 đồng; tiền thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút 378.000.000 đồng (30 tháng lương x 18.000.000 đồng x 70%).

Ngày 12/5/2020, anh N là anh ruột bị cáo T có đơn xin bồi thường thiệt hại để khắc phục một phần hậu quả mà bị cáo đã gây ra và nộp thay cho bị cáo 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố M (theo biên lai thu số AD/2011/09293 ngày 13/5/2020).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 57/2020/HS-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường ĐH, thành phố D, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Căn cứ vào Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo T, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh F 57.589.063 (năm mươi bảy triệu năm trăm tám mươi chín ngàn không trăm sáu mươi ba) đồng (gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường 10.000.000 (mười triệu đồng) để khắc phục một phần hậu quả theo Biên lai thu số AD/2011/09293 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố M). Bị cáo T còn phải giao cho anh F 47.589.063 (bốn mươi bảy triệu năm trăm tám mươi chín ngàn không trăm sáu mươi ba) đồng.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ của người được hưởng án treo trong thời gian thử thách, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/5/2020, bị hại F kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng tăng hình phạt và tăng mức bồi thường về dân sự đối với bị cáo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị hại F giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, về hình phạt đề nghị xét xử nghiêm theo quy định của pháp luật và không cho bị cáo T hưởng án treo, buộc bị cáo có trách nhiệm tăng mức bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo, cũng như tình tiết định khung và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận, đủ căn cứ xác định bản án hình sự sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội mang tính bộc phát và bị hại cũng có một phần lỗi; bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền vào Chi cục Thi hành án dân sự để khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình đã gây ra; là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, là phù hợp không nhẹ. Do đó, kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo T là không có cơ sở để chấp nhận.

Về yêu cầu kháng cáo tăng mức bồi thường với số tiền 555.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Cấp sơ thẩm đã nhận định về các khoản tiền thuốc, tiền mất thu nhập và tổn thất tinh thần để buộc bị cáo T bồi thường cho anh F tổng số tiền 57.589.063 đồng là phù hợp nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng mức bồi thường của bị hại.

Đối với các khoản chi phí chưa phát sinh trong việc điều trị, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo và bị hại, đề nghị dành quyền khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục dân sự cho anh F khi có yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe khi có chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị hại F và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại trình bày đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Về trách nhiệm hình sự của bị cáo: Nguyên nhân vụ án xảy ra chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ xảy ra trong cuộc sống nhưng bị cáo lại vô cớ dùng vũ lực để tấn công, đâm liên tiếp 03 cái vào vùng mặt, là vùng trọng yếu trên cơ thể bị hại làm bị hại ngã gục xuống đất, rồi bỏ mặc người bị hại mà bỏ đi, dẫn đến hậu quả gây thương thương tích cho bị hại với tỷ lệ 23%; nên “phạm tội mang tính côn đồ” và “cố ý phạm tội đến cùng”, là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại g, e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Ngoài ra, án sơ thẩm nhận định và cho bị cáo hưởng tình tiết

giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là không đúng, trong khi bị cáo chưa bồi thường, khắc phục được $\frac{3}{4}$ thiệt hại về sức khỏe cho bị hại. Do đó, bị cáo T không đủ điều kiện để hưởng án treo và cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo nhưng không áp dụng Nghị quyết 02/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là trái pháp luật. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại về hình sự, tăng hình phạt đối với bị cáo và không cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Sau vụ án, bị hại bị thương tích 23% và thị lực bị giảm sút 5/10. Khi điều trị, bác sỹ có y lệnh tiếp tục kiểm tra và điều trị sau khi vết thương ổn định nhưng do bị hại không có điều kiện về kinh tế để tiếp tục điều trị nên tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm không thể có các tài liệu, chứng cứ để cung cấp cho Tòa án được. Về mức bồi thường, cấp sơ thẩm nhận định về khoản mất thu nhập của bị hại trong thời gian 36 ngày và tiền tổn thất tinh thần tương đương 17 tháng lương cơ bản là tùy nghi, không có căn cứ và chưa đúng quy định của pháp luật (trong đó, mức lương cơ bản hiện nay là 1.600.000 đồng). Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo tăng mức bồi thường về dân sự để bị hại có chi phí tiếp tục điều trị và khắc phục phần nào hậu quả thiệt hại về sức khỏe do hành vi trái pháp luật của bị cáo gây ra.

Bị hại F thống nhất với ý kiến luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và đề nghị Tòa án xem xét về nội dung vụ án chưa chính xác, cụ thể: không có việc bị hại tấn công đâm bị cáo trước như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm nêu.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xác định bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông F và giữ y án sơ thẩm. Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Phân tích diễn biến về hành vi khách quan trong vụ án được chứng minh theo các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và khẳng định để xảy ra sự việc cụ thể dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị hại là người có một phần có lỗi và bảo lưu ý kiến đã đề nghị. Đối với ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội mang tính côn đồ” và “có ý phạm tội đến cùng”, cũng như ý kiến đề nghị về phần trách dân sự của bị cáo là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở để được chấp nhận.

Bị cáo T không tranh luận, chỉ đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt và hưởng mức án như bản án sơ thẩm vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân là lao động chính và đang nuôi hai con còn nhỏ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng

cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người bào chữa và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung phù hợp với bản án sơ thẩm và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: biên bản vụ việc, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, lời khai của bị hại và người làm chứng, bản kết luận giám định, cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Xét, đã đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 07 giờ 20 phút ngày 16/9/2019, tại trước cổng Trường Đại học Z, khu phố 6, phường HP, Quận X, Thành phố M, khi anh F xuống xe đứng chặn trước đầu xe buýt do bị cáo T điều khiển để nói chuyện về việc trước đó bị cáo đã gọi điện thoại báo về Hợp tác xã việc anh F điều khiển xe buýt vượt xe do bị cáo điều khiển để đón khách sai quy định, dẫn đến hai bên xảy ra cự cãi; bị cáo T đã có hành vi dùng tay phải đâm liên tiếp 03 cái vào mặt anh F gây thương tích, làm anh F té ngã xuống đường.

Ngày 20/9/2019, anh F có đơn yêu cầu khởi tố về hình sự đối với bị cáo T.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 998/TgT.19 ngày 11/11/2019 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố M, kết luận anh F bị: Chấn thương vùng mắt mũi trái gây tụ dịch phần mềm quanh mi, xuất huyết tiền phòng, tụ khí hốc mắt, gãy thành trong hốc mắt trái, gãy xương mũi; thụt nhẹ nhãn cầu, thị lực mắt trái 5/10; thương tích do vật tày tác động gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 23%.

Như vậy, với hậu quả đã gây ra thương tích cho bị hại và hành vi nêu trên của bị cáo T, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T, về tội: “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội với lỗi cố ý xâm hại đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/5/2015, bị hại F có đơn kháng cáo về hình thức làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và không cho bị cáo T hưởng án treo: Xét khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội mang tính bộc phát do bị hại cũng

có một phần lỗi; trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền vào Chi cục Thi hành án dân sự để khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình đã gây ra; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); và xử phạt bị cáo T mức án 01 (Một) năm tù là thỏa đáng không nhẹ.

Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo: bị cáo T phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng; bản thân là lao động chính, có nơi cư trú rõ ràng và nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; trong giai đoạn điều tra đến ngày xét xử sơ thẩm, thời gian bị tạm giam đã phần nào có tác dụng của hình phạt. Ngoài ra, bị cáo có thân nhân là người có công với Cách mạng (là Liệt sỹ trong thời kỳ chống Mỹ bảo vệ Tổ quốc) và sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện khắc phục thêm 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại, là tình tiết giảm nhẹ cần được xem xét. Do đó, không cần thiết bắt bị cáo T chấp hành hình phạt tù cũng không còn nguy hiểm cho xã hội nên cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa chung; phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo.

- Đối với yêu cầu kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại về dân sự: Trong vụ án, bị cáo T phạm tội với lỗi cố ý gây thương tích cho anh Trần Thanh Hiền nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe bị hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, anh F yêu cầu bị cáo T bồi thường tổng số tiền 555.000.000 đồng, bao gồm các khoản: Chi phí mổ mũi 42.000.000 đồng, mổ mắt 50.000.000 đồng; tiền thuốc khám chữa bệnh và tiền taxi đi khám chữa bệnh 15.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 70.000.000 đồng; tiền thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút 378.000.000 đồng (30 tháng lương x 18.000.000 đồng/tháng x 70%). Nhưng ngoài đơn yêu cầu bồi thường, anh F không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã nhận định và tuyên buộc bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường cho anh F số tiền 57.589.063 đồng, bao gồm các khoản: tiền thuốc khám chữa bệnh có hóa đơn, chứng từ là 3.059.063 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 25.330.000 đồng (17 tháng lương cơ bản x 1.490.000 đồng/tháng); tiền mất thu nhập 18.000.000 đồng (36 ngày x 500.000 đồng/ngày). Theo đó, mức và phương thức bồi thường là phù hợp với chi phí điều trị và những chi phí hợp lý thực tế cho việc phục hồi thương tích mà bị cáo đã gây ra cho anh F (thể hiện tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 998/TgT.19 ngày 11/11/2019 của Trung tâm pháp y

Sở Y tế Thành phố M); phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586; Điều 591 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng mức bồi thường về dân sự là không có cơ sở và chứng cứ để được chấp nhận.

Đối với ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng: khoản tiền tổn thất tinh thần phải tính trên mức lương cơ bản 1.600.000 đồng/tháng, là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở để được chấp nhận, bởi lẽ: Theo quy định tại Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 của Quốc hội thì mức lương cơ sở 1.600.000 đồng/tháng được áp dụng kể từ ngày 01/7/2020 và tại thời điểm xét xử sơ thẩm vào ngày 20/5/2020, cấp sơ thẩm áp dụng mức lương cơ sở 1.490.000 đồng để tính khoản tiền tổn thất về tinh thần là đúng theo quy định tại Nghị quyết số 70/2018/QH14 ngày 09/11/2018 của Quốc hội.

Đối với khoản tiền gia đình bị cáo Bùi Gia Trường đã tự nguyện nộp tiền bồi thường 10.000.000 đồng (theo Biên lai thu số AD/2011/09293 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố M) và bị cáo T tự nguyện nộp 5.000.000 đồng, được dùng để thanh toán cho bị hại F và khấu trừ vào khoản tiền bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh F theo mức nêu trên. Bị cáo T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho anh F là 42.589.063 đồng.

Riêng đối với các khoản anh F yêu cầu bồi thường về chi phí mổ mũi 42.000.000 đồng và mổ mắt 50.000.000 đồng, là những khoản chi phí chưa phát sinh nên không được cấp sơ thẩm chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, anh F và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại xuất trình bản photocopy Phiếu nội soi tại bệnh viện Tai Mũi Họng ngày 16/9/2019, có nội dung: Bác sỹ điều trị đề nghị anh F tiếp tục khám và điều trị chuyên khoa mắt tại Bệnh viện khi tình trạng mắt ổn định, sẽ tư vấn điều trị gãy xương mũi; và anh F trình bày do di chứng của thương tích ảnh hưởng đến sức khỏe và khả năng lao động nhưng hiện nay anh F không có điều kiện về kinh tế để đi khám và điều trị theo y lệnh của bác sỹ nên không có tài liệu, chứng cứ về việc điều trị để nộp cho Tòa án. Xét về nội dung và yêu cầu này là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm và chưa được giải quyết ở cấp sơ thẩm. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo và bị hại được giải quyết ở hai cấp xét xử: Dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự cho bị hại F khi có chứng cứ về chi phí điều trị mổ mũi và mổ mắt là hậu quả từ hành vi “Cố ý gây thương tích” của bị cáo T cho anh F vào ngày 16/9/2019, đề yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại về sức khỏe đối với chi phí điều trị phát sinh sau ngày xét xử phúc thẩm (ngày 28/8/2020) theo chỉ định của cơ quan chuyên môn về y tế.

Theo đó, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị hại F, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần dân sự theo hướng giữ nguyên phần quyết định của bản

án và bổ sung dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự cho bị hại F khi có yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa và không chấp nhận yêu cầu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại F.

+Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị hại F không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị hại F, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 57/2020/HS-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: bị cáo T 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/5/2020).

- Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường ĐH, thành phố D, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh F là 57.589.063 (Năm mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, không trăm

sáu mươi ba) đồng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng gia đình bị cáo T tự nguyện nộp theo biên lai thu số AD/2011/09293 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố M và số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng bị cáo T tự nguyện nộp theo biên lai thu tiền ngày 04/8/2020 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố M, được dùng để thanh toán cho bị hại F và khấu trừ vào khoản tiền bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh F theo mức nêu trên.

- Bị cáo T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho anh F là 42.589.063 (Bốn mươi hai triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn không trăm sáu mươi ba) đồng.

Kể từ ngày anh F có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo T chưa thanh toán đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe theo mức nêu mức trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự cho anh F khi có chứng cứ về chi phí điều trị mổ mũi và mổ mắt là hậu quả từ hành vi “Cố ý gây thương tích” của bị cáo T cho anh F vào ngày 16/9/2019, đề yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại về sức khỏe đối với chi phí điều trị phát sinh sau ngày xét xử phúc thẩm (ngày 28/8/2020) theo chỉ định của cơ quan chuyên môn về y tế.

4. Căn cứ vào các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị hại F không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 9; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- THA Quận 9; (2)
- TAND Quận 9; (2)
- Công an Quận 9; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh

- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)